



Flashcardo.com

Vi håber, at disse printbare flashcards vil være nyttige for dig. For at finde endnu flere flashcard-produkter, gå til vores hjemmeside www.flashcardo.com/da. På Flashcardo.com tilbyder vi online flashcards, flashcards med gentagelser i intervaller, video-flashcards og meget mere. Alt sammen gratis og klar til brug for elever over hele verden.

Ophavsret, licensnoter

Denne PDF er beskyttet af ophavsretsloven, og alle rettigheder er forbeholdt. Du er fri til at dele denne PDF med hvem som helst. Du må dog ikke sælge denne PDF eller dens indhold. Hvis du har spørgsmål, gå venligst til www.flashcardo.com/da for at komme i kontakt med os. Tak!

Ansvarsfraskrivelse

DENNE PDF LEVERES "SOM DEN ER", UDEN GARANTI AF NOGEN ART, UDTRYKKELIG ELLER UNDERFORSTÅET, HERUNDER MEN IKKE BEGRÆNSET TIL GARANTIER OM SALGBARHED, EGNETHED TIL ET BESTEMT FORMÅL OG IKKE-KRÆNKELSE. UNDER INGEN OMSTÆNDIGHEDER KAN FORFATTERNE ELLER OPHAVSRETSINDEHAVERNE HOLDES ANSVARLIGE FOR NOGEN KRAV, SKADER ELLER ANDEN ANSVARLIGHED, UANSET OM DETTE SKYLDES KONTRAKT, ERSTATNINGSANSVAR ELLER ANDET, SOM OPSTÅR FRA, UDE FRA ELLER I FORBINDELSE MED PDF'EN ELLER BRUGEN ELLER ANDRE FORHOLD VEDRØRENDE PDF'EN.

Ophavsret © 2025 Flashcardo.com. Alle rettigheder forbeholdes

Basis

tôi

jeg

bạn
đại từ

du

anh ấy

han

cô ấy

hun

nó

det

chúng tôi / chúng ta

vi

các bạn

I

họ

de

cái gì

hvad

ai

hvem

ở đâu

hvor

tại sao

hvorfor

làm sao

hvordan

cái nào

hvilken

lúc nào

hvornår

sau đó

så

nếu

hvis

thật sự

virkelig

nhưng

men

bởi vì

fordi

không

ikke

này

dette

đó
vật

det

tất cả

alle

hoặc

và

đây

eller

og

her

đó
địa điểm

trái

phải

der

venstre

højre

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

nu

eftermiddag

formiddag

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

nat

morgen

aften

buổi trưa

nửa đêm

gìờ

middag

midnat

time

phút

giây

ngày

minut

sekund

dag

tuần

tháng

năm

uge

måned

år

hôm qua

hôm nay

ngày mai

i går

i dag

i morgen

thứ hai
ngày

mandag

thứ ba
ngày

tirsdag

thứ tư
ngày

onsdag

thứ năm

torsdag

thứ sáu

fredag

thứ bảy

lørdag

chủ nhật

søndag

đàn bà

kvinde

đàn ông

mand

tình yêu

kærlighed

bạn trai

kæreste

bạn gái

kæreste

bạn
danh từ

ven

hôn
danh từ

kys

tình dục

sex

trẻ em

barn

con gái
đại cương

pige

con trai
đại cương

dreng

mẹ

mor

ba

far

má
mẹ

moder

cha

fader

cha mẹ

forældre

con trai
gia đình

søn

con gái
gia đình

datter

em gái

lillesøster

em trai

lillebror

chị gái

storesøster

anh trai

storebror

chồng

mand

vợ

kone

mỗi / mọi

hver

luôn luôn

altid

thực ra

faktisk

lần nữa

igen

đã

allerede

ít hơn

mindre

phần lớn

mest

nhiều hơn

mere

không có

ingen

rất

meget

ở ngoài

ude

ở trong

inde

xa

fjern

gần

nær

bên dưới

under

bên trên

over

bên cạnh

ved siden af

phía trước

frem

phía sau

bagved

mọi người

alle

cùng nhau

sammen

khác

andre

mùa xuân

forår

mùa hè

sommer

mùa thu

efterår

mùa đông

vinter

tháng một

januar

tháng hai

februar

tháng ba

marts

tháng tư

april

tháng năm

maj

tháng sáu

juni

tháng bảy

juli

tháng tám

august

tháng chín

september

tháng mười

oktober

tháng mười một

november

tháng mười hai

december

bắc

nord

đông

øst

nam

syd

tây

vest

thường xuyên

tit

ngay lập tức

straks

đột ngột

pludselig

mặc dù

selvom

Tal

không

0

một

1

hai

2

ba

3

bốn

4

năm

5

sáu

6

bảy

7

tám

8

chín

9

mười

10

mười một

11

mười hai

12

mười ba

13

mười bốn

14

mười năm

15

mười sáu

16

mười bảy

17

mười tám

18

mười chín

19

hai mươi

20

hai mươi mốt

21

hai mươi hai

22

hai mươi sáu

26

ba mươi

30

ba mươi mốt

31

ba mươi ba

33

ba mươi bảy

37

bốn mươi

40

bốn mươi mốt

41

bốn mươi bốn

44

bốn mươi tám

48

năm mươi

50

năm mươi mốt

51

năm mươi lăm

55

năm mươi chín

59

sáu mươi

60

sáu mươi mốt

61

sáu mươi hai

62

sáu mươi sáu

66

bảy mươi

70

bảy mươi mốt

71

bảy mươi ba

73

bảy mươi bảy

77

tám mươi

80

tám mươi mốt

81

tám mươi bốn

84

tám mươi tám

88

chín mươi

90

chín mươi mốt

91

chín mươi lăm

95

chín mươi chín

99

một trăm

100

một trăm linh một

101

một trăm linh năm

105

một trăm mười

110

một trăm năm mươi mốt

151

hai trăm

200

hai trăm linh hai

202

hai trăm linh sáu

206

hai trăm hai mươi

220

hai trăm sáu mươi hai

262

ba trăm

300

ba trăm linh ba

303

ba trăm linh bảy

307

ba trăm ba mươi

330

ba trăm bảy mươi ba

373

bốn trăm

400

bốn trăm linh bốn

404

bốn trăm linh tám

408

bốn trăm bốn mươi

440

bốn trăm tám mươi bốn

484

năm trăm

500

năm trăm linh năm

505

năm trăm linh chín

509

năm trăm năm mươi

550

năm trăm chín mươi lăm

595

sáu trăm

600

sáu trăm linh một

601

sáu trăm linh sáu

606

sáu trăm mười sáu

616

sáu trăm sáu mươi

660

bảy trăm

700

bảy trăm linh hai

702

bảy trăm linh bảy

707

bảy trăm hai mươi bảy

727

bảy trăm bảy mươi

770

tám trăm

800

tám trăm linh ba

803

tám trăm linh tám

808

tám trăm ba mươi tám

838

tám trăm tám mươi

880

chín trăm

900

chín trăm linh bốn

904

chín trăm linh chín

909

chín trăm bốn mươi chín

949

chín trăm chín mươi

990

một nghìn

1000

một nghìn không trăm linh
một

1001

một nghìn không trăm mười
hai

1012

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

1234

hai nghìn

2000

hai nghìn không trăm linh hai

2002

hai nghìn không trăm hai
mười ba

2023

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

2345

ba nghìn

3000

ba nghìn không trăm linh ba

3003

bốn nghìn

4000

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

4045

năm nghìn

5000

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

5678

sáu nghìn

6000

bảy nghìn

7000

bảy nghìn tám trăm chín
mười

7890

tám nghìn

8000

tám nghìn chín trăm linh một

8901

chín nghìn

9000

chín nghìn không trăm chín
mười

9090

mười nghìn

10.000

mười nghìn không trăm linh
một

10.001

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

20.020

ba mươi nghìn ba trăm

30.300

bốn mươi bốn nghìn

44.000

một trăm nghìn

100.000

năm trăm nghìn

500.000

một triệu

1.000.000

sáu triệu

6.000.000

mười triệu

10.000.000

bảy mươi triệu

70.000.000

một trăm triệu

100.000.000

tám trăm triệu

800.000.000

một tỷ

1.000.000.000

chín tỷ

9.000.000.000

mười tỷ

10.000.000.000

hai mươi tỷ

20.000.000.000

một trăm tỷ

100.000.000.000

ba trăm tỷ

300.000.000.000

một nghìn tỷ

1.000.000.000.000

Udsagnsord

biết

at vide

nghĩ

at tænke

đến

at komme

đặt

at sætte

lấy

at tage

tìm

at finde

nghe

at lytte

làm việc

at arbejde

nói chuyện

at tale

cho

at give

thích

at kunne lide

giúp đỡ

at hjælpe

yêu

at elske

gọi

at ringe

chờ đợi

at vente

đứng

at stå

ngồi

at sidde

đóng

at lukke

mở
cửa

at åbne

thua

at tabe

thắng

at vinde

chết

at dø

sống
động từ

at leve

bật

at tænde

tắt

at slukke

giết

at dræbe

làm bị thương

at skade

chạm

at røre

xem

at se

uống

at drikke

ăn

at spise

đi bộ

at gå

gặp

at møde

đặt cược

at vædde

hôn
động từ

at kysse

đi theo

at følge

cưới

at gifte sig

trả lời

at svare

hỏi

at spørge

kéo

at trække

đẩy

at skubbe

ấn

at presse

đánh

at slå

bắt

at fange

chiến đấu

at kæmpe

ném

at kaste

chạy
động từ

at løbe

đọc

at læse

viết

at skrive

sửa chữa

at reparere

đếm

at tælle

cắt

at klippe

bán

at sælge

mua

at købe

trả

at betale

học

at studere

mơ

at drømme

ngủ

at sove

chơi

at lege

ăn mừng

at fejre

thưởng thức

at nyde

dọn dẹp

at rengøre

bắn

at skyde

bảo vệ

at forsvare

tấn công

at angribe

trộm

at stjæle

đốt

at brænde

cứu

at redde

bay

at flyve

khạc nhổ

at spytte

đá
động từ

at sparke

cẩn

at bide

thở

at ånde

ngủ

at lugte

khóc

at græde

hát

at synge

cười mỉm

at smile

cười

at grine

lớn lên

at vokse

co lại

at krympe

tranh luận

at skændes

chia sẻ

at dele

cho ăn

at fodre

trốn

at gemme

cảnh báo

at advare

bơi

at svømme

nhảy

at hoppe

nâng

at løfte

đào

at grave

giao hàng

at levere

tìm kiếm

at lede efter

luyện tập

at øve

đi du lịch

at rejse

vẽ

at male

mở
khóa

at åbne

khóa

at låse

rửa

at vaske

cầu nguyện

at bede

nấu ăn

at lave mad

nôn

at kaste op

la hét

at råbe

trích dẫn

at citere

in

at udskrive

tính toán

at beregne

kiếm tiền

at tjene

Tillægsord

mới

cũ

ít

ny

gammel

få

nhiều

sai

chính xác

mange

forkert

korrekt

xấu

tốt

hạnh phúc

dårlig

god

lykkelig

ngắn

dài

nhỏ

kort

lang

lille

lớn
to

stor

xinh đẹp

smuk

trẻ

ung

già

gammel

màu trắng

hvid

màu đen

sort

màu đỏ

rød

màu xanh da trời

blå

màu xanh lá cây

grøn

màu vàng

gul

chậm

langsom

nhanh

hurtig

vui vẻ

không công bằng

công bằng

sjov

uretfærdig

retfærdig

khó

dễ

giàu

vanskelig

let

rig

nghèo

khỏe

yếu

fattig

stærk

svag

an toàn

mệt mỏi

tự hào

sikker

træt

stolt

no bụng

mæt

bệnh

syg

khỏe mạnh

sund

tức giận

vred

thấp
đại cương

lav

cao
đại cương

høj

ngọt

sød

chua

sur

mềm

blød

cứng

hård

đáng yêu

sød

ngu ngốc

dum

điên hùng

skør

bận rộn

travl

cao
người

høj

thấp
người

lille

lo lắng

bekymret

ngạc nhiên

overrasket

cư xử tốt

velopdragen

ác độc

ond

khéo léo

klog

lạnh

kold

nóng

hed

màu cam

orange

màu xám

grå

màu nâu

brun

màu hồng

lyserød

nhàm chán

kedelig

nặng

tung

nhẹ

let

cô đơn

ensom

đói bụng

sulten

khát nước

tørstig

buồn

trist

đốc

stejl

bằng phẳng

flad

hẹp

smal

rộng

bred

sâu

dyb

nông

lav

lớn
rất

kæmpe

bản

beskidt

sạch sẽ

ren

đầy

fuld

trống rỗng

tom

đắt

dyr

rẻ

billig

quýn rữ

sexet

lười biếng

doven

dũng cảm

modig

hào phóng

gavmild

ướt

våd

khô

tør

ồn ào

højt

yên tĩnh

stille

nắng

solrig

nhiều mưa

regnfuld

sương mù
tính từ

tåget

nhiều mây

overskyet

Sport

thể dục dụng cụ

gymnastik

quần vợt

tennis

chạy
danh từ

løb

đạp xe

cykling

đánh golf

golf

bóng đá

fodbold

bóng rổ

basketball

bơi lội

svømning

lặn

dykning

đi bộ đường dài

vandreture

chạy marathon

maratonløb

ba môn phối hợp

triatlon

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

bordtennis

vægtløftning

boksning

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

badminton

kunstskejt

snowboarding

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

skiløb

langrend

ishockey

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

volleyball

håndbold

beach volleyball

bóng rugby

rugby

bóng gậy

cricket

bóng chày

baseball

bóng bầu dục Mỹ

amerikansk fodbold

bóng nước

vandpolo

nhảy cầu

udspring

lướt sóng

surfing

đua thuyền buồm

sejls

chèo thuyền

roning

yoga

yoga

khiêu vũ

dans

nhảy dù

faldskærmsudspring

cờ vua

đánh bài poker

bowling

skak

poker

bowling

múa ba lê

ballet

Dyr

con lợn

gris

con bò

ko

con ngựa

hest

con chó

hund

con cừu

får

con khỉ

abe

con mèo

kat

con gấu

bjørn

con gà

kylling

con vịt

and

con bướm

sommerfugl

con ong

bi

con cá

fisk

con nhện

edderkop

con rắn

slange

con hổ

tiger

con chuột

mus

con thỏ

kanin

con sư tử

løve

con lừa

æsel

con voi

elefant

con chim bồ câu

due

con bọ

bille

con muỗi

myg

con ruồi

flue

con kiến

myre

con cá voi

hval

con cá mập

haj

con cá heo

delfin

con ốc sên

snegl

con ếch

frø

con gấu trúc

panda

con gấu Bắc cực

isbjørn

con chó sói

ulv

con gấu túi

koala

con chuột túi

kænguru

con hươu cao cổ

giraf

con cáo

ræv

con hà mã

flodhest

con dơi

flagermus

con quạ

ravn

con thiên nga

svane

con chim hải âu

måge

con cú

ugle

con chim cánh cụt

pingvin

con vẹt

papegøje

con sâu bướm

larve

con chuồn chuồn

guldsmed

con mực ống

blæksprutte

con bạch tuộc

blæksprutte

con cá ngựa

søhest

con hải cẩu

sæl

con sứa

vandmand

con cua

krabbe

con khủng long

dinosaur

con rùa cạn

skildpadde

con cá sấu

krokodille

Lande

Châu Âu

Europa

Châu Á

Asien

Châu Mỹ

Amerika

Châu Phi

Afrika

Vương quốc Anh

Storbritannien

Tây Ban Nha

Spanien

Thụy sĩ

Schweiz

Ý

Italien

Pháp

Frankrig

Đức

Tyskland

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Rusland

Japan

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Indien

Kina

Amerikas Forenede Stater

Mexico

Canada

Chile

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Brasilien

Argentina

Sydafrika

Nigeria

Nigeria

Ma Rốc

Marokko

Libya

Libyen

Kenya

Kenya

Algeria

Algeriet

Ai Cập

Egypten

New Zealand

New Zealand

Úc

Australien

Krop

đầu

mũi

tóc

hoved

næse

hår

miệng

tai

mắt

mund

øre

øje

bàn tay

bàn chân

tim

hånd

fod

hjerte

não

cổ

mông

hjerne

hals

bagdel

vai

skulder

đầu gối

knæ

chân

ben

tay

arm

bụng

mave

ngực

barm

lưng

ryg

răng

tand

lưỡi

tunge

môi

læbe

ngón tay

finger

ngón chân

tå

dạ dày

mavesæk

phổi

lunge

gan

lever

dây thần kinh

nerve

thận

nyre

ruột

tarm

trán

pande

cằm

hage

má
cơ thể

kind

râu

skæg

ngón cái

tommelfinger

ngón tay út

lillefinger

ngón tay đeo nhẫn

ringfinger

ngón tay giữa

langefinger

ngón tay trỏ

pegefinger

móng tay

fingernegl

gót chân

hæl

xương sống

rygrad

cơ bắp

muskel

xương
cơ thể

knogle

bộ xương

skelet

xương sườn

ribben

đốt sống

ryghvirvel

bàng quang

blære

tĩnh mạch

vene

động mạch

pulsår

âm đạo

vagina

tinh trùng

sperma

dương vật

penis

tinh hoàn

testikel

Hus

cửa

dør

nhà bếp

køkken

phòng tắm

badeværelse

phòng khách

stue

phòng ngủ

soveværelse

vườn

have

gara

garage

tường

væg

tầng hầm

kælder

nhà vệ sinh
nhà ở

toilet

cầu thang

trappe

mái nhà

tag

cửa sổ
tòa nhà

vindue

dao

kniv

tách

kop

ly

glas

đĩa

tallerken

cốc

bæger

thùng rác

skraldespand

tô

skål

bàn
văn phòng

skrivebord

giường

seng

gương

spejl

vòi hoa sen

bruser

ghế sofa

sofa

ảnh

billede

đồng hồ

ur

bàn

nhà

bord

ghế

nhà

stol

hàng xóm

nabo

thang máy

elevator

ban công

altan

gác xép

loftsrum

ống khói

skorsten

muỗng gỗ

træske

đũa

spisepind

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

bestik

ske

gaffel

cái vá

nồi

chảo

slev

gryde

pande

bóng đèn

giá sách

rèm

lyspære

bogreol

gardin

nệm

gối

chăn

madras

pude

tæppe

kệ

hylde

ngăn kéo

skuffe

tủ quần áo

garderobe

xô

spand

chổi

kost

cái cân

badevægt

giỏ đựng đồ giặt

vasketøjskurv

bồn tắm

badekar

khăn tắm
to lớn

badehåndklæde

xà phòng

sæbe

giấy vệ sinh

toiletpapir

khăn tắm
nhỏ bé

håndklæde

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

håndvask

stige

postkasse

hàng rào

hegn

Mad

trứng

æg

phô mai

ost

sữa

mælk

cá

fisk

thịt

kød

xương
món ăn

knogle

dầu

olie

bánh mì

brød

đường
món ăn

sukker

sô cô la

chokolade

kẹo

slik

bánh bông lan

kage

nước

cà phê

trà

vand

kaffe

te

bia

rượu nho

sa lát

øl

vin

salat

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

suppe

dessert

morgenmad

bữa trưa

bữa tối

pizza

frokost

aftensmad

pizza

kem

flødeis

bơ

smør

sữa chua

yoghurt

cá ngừ

tunfisk

cá hồi

laks

giăm bông

skinke

thịt ba rọi

bacon

xúc xích

pølse

thịt gà tây

kalkunkød

thịt gà

kyllingekød

thịt bò

oksekød

thịt heo

svinekød

thịt cừu

lammekød

bí ngô

græskar

nấm

champignon

nấm cục

trøffel

tỏi

hvidløg

tỏi tây

porre

gừng

ingefær

cà tím

aubergine

khoai lang

sød kartoffel

cà rốt

gulerod

dưa chuột

agurk

ớt

chili

ớt chuông

rød peber

củ hành

løg

khoai tây

kartoffel

bông cải trắng

blomkål

bắp cải

kål

bông cải xanh

broccoli

xà lách

salat

rau chân vịt

spinat

tre

bambus

ngô

majs

cần tây

selleri

đậu Hà Lan

ært

hạt đậu

bønne

quả lê

pære

quả táo

æble

quả ô liu

oliven

quả sung

figen

quả chà là

daddel

quả dừa

kokosnød

quả hạnh nhân

mandel

hạt phỉ

hasselnød

đậu phộng

jordnød

quả chuối

banan

quả xoài

mango

quả kiwi

kiwi

quả bơ

avocado

quả dứa

ananas

dưa hấu

vandmelon

quả nho

vindrue

dưa gang

honingmelon

quả mâm xôi

hindbær

quả việt quất

blåbær

quả dâu tây

jordbær

quả anh đào

kirsebær

quả mận

blomme

quả mơ

abrikos

quả đào

fersken

quả chanh

citron

quả bưởi

grapefrugt

quả cam

appelsin

cà chua

tomat

bạc hà

mynte

sả

citrongræs

quế

kanel

vani

vanilje

muối

salt

tiêu

peber

cà ri

karry

thuốc lá
thực vật

tobak

đậu hũ

tofu

giấm

eddike

mì sợi

nudel

sữa đậu nành

sojamælk

bột mì

mel

gạo

ris

yến mạch

havre

lúa mì

hvede

đậu nành

soja

hạt

nød

mật ong

honning

mút

marmelade

kẹo cao su

tyggegummi

bánh kẹp

pandekage

bánh quy

småkage

bánh pudding

budding

bánh muffin

muffin

bánh rán vòng

donut

nước tăng lực

energidrik

nước cam

appelsinjuice

nước táo

æblejuice

sữa lắc

milkshake

coca cola

cola

sô cô la nóng

varm chokolade

rượu cocktail

cocktail

rượu rum

rom

rượu whisky

whisky

rượu vodka

vodka

thực đơn

menukort

hải sản

fisk og skaldyr

mì Ý

spaghetti

sushi

sushi

bắp rang bơ

popcorn

khoai tây lát mỏng

chips

cánh gà

kyllingevinger

khoai tây chiên

pomfritter

mù tạt

sennep

sốt mayonnaise

mayonnaise

nước sốt cà chua

ketchup

bánh mì kẹp

sandwich

bánh mì kẹp xúc xích

hotdog

bánh burger

burger

Skole

sách

bog

thư viện

bibliotek

bài tập về nhà

lektie

bài thi

eksamen

bài học

lektion

khoa học

videnskab

lịch sử

historie

nghệ thuật

kunst

cây bút

pen

bút chì

blyant

thứ nhất

første

thứ hai

2

anden

thứ ba
3

tredje

thứ tư
4

fjerde

ngiên cứu

forskning

bằng cấp

grad

sân thể thao

sportsplads

từ điển

ordbog

học kì

semester

sổ tay

notesbog

hình học

geometri

chính trị học

politik

triết học

filosofi

kinh tế học

økonomi

giáo dục thể chất

idræt

sinh học

biologi

toán học

matematik

địa lý

geografi

văn học

litteratur

hóa học

kemi

vật lý

fysik

cải thước

lineal

cục tẩy

viskelæder

cái kéo

saks

băng dính

klisterbånd

keo dán

lim

bút bi

kuglepen

kẹp giấy

klips

ba phần trăm

3%

một trăm phần trăm

100%

không phần trăm

0%

mét khối

kubikmeter

mét vuông

kvadratmeter

dặm

mil

mét

meter

mi-li-mét

millimeter

xen-ti-mét

centimeter

đề-xi-mét

decimeter

phép cộng

addition

phép trừ

subtraktion

phép nhân

multiplikation

phép chia

division

diện tích

areal

thể tích

volumen

hình chữ nhật

rektangel

hình vuông

firkant

tam giác

trekant

hình tròn

cirkel

lít

liter

mililít

milliliter

tấn

kilôgam

gram

ton

kilogram

gram

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

magnet

mikroskop

tragt

phòng thí nghiệm

bài giảng

laboratorium

foredrag

Natur

tro

aske

lửa

ild

kim cương

diamant

mặt trăng

måne

mặt trời

sol

ngôi sao

stjerne

hành tinh

planet

bờ biển
bienne

kyst

hồ

sø

rừng

skov

sa mạc

ørken

đồi núi

bakke

đá
danh từ

sten

con sông

flod

thung lũng

dal

núi

bjerg

đảo

ø

đại dương

ocean

biển

hav

băng

is

tuyết

sne

bão táp

storm

mưa

regn

gió

vind

cây

cỏ

hoa hồng

træ

græs

rose

hoa

kim loại

đất

blomst

metal

jord

dung nham

than

cát

lava

kul

sand

đất sét

tên lửa

vệ tinh

ler

raket

satellit

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

galakse

asteroide

kontinent

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

ækvator

Sydpolen

Nordpolen

suối

rừng nhiệt đới

hang

vandløb

regnskov

hule

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

vandfald

kyst

gletsjer

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

jordskælv

krater

vulkan

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

atmosfære

oversvømmelse

tåge

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

regnbue

torden

lyn

cơn dông

nhệt độ

bão nhiệt đới

tordenvejr

temperatur

tyfon

bão

mây

cành cây

orkan

sky

gren

lá cây

rễ cây

thân cây

blad

rod

stamme

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

frø

plast

carbondioxid

nguyên tử

sắt

ôxy

atom

jern

ilt

vàng

guld

bạc

sølv



Transport

xe hơi

bil

xe buýt

bus

xe lửa

tog

ga xe lửa

togstation

trạm dừng xe buýt

busstoppested

máy bay

fly

tàu

skib

xe tải

lastbil

xe đạp

cykel

xe mô tô

motorcykel

xe taxi

taxa

đèn giao thông

trafiklys

bãi đậu xe

parkeringsplads

đường
xe hơi

vej

ắc quy

batteri

động cơ
xe hơi

motor

túi khí

airbag

vô-lăng

rat

dây an toàn

sikkerhedssele

lốp xe

dæk

cốp sau

bagagerum

máy bán vé

billetautomat

phòng bán vé

billetkontor

tàu điện ngầm

undergrundsbane

tàu cao tốc

højhastighedstog

đầu máy

lokomotiv

xe điện

sporvogn

xe buýt trường học

skolebus

xe buýt nhỏ

minibus

sân bay

lufthavn

hãng hàng không

flyselskab

máy bay trực thăng

helikopter

hạng nhất

første klasse

hạng phổ thông

økonomiklasse

hạng thương gia

business class

áo phao

redningsvest

công ten nơ

container

tàu ngầm

ubåd

tàu du lịch

krydstogtskib

tàu chở hàng

containerskib

du thuyền

yacht

phà

færge

hải cảng

havn

xuồng cứu sinh

redningsbåd

ra đa

radar

đèn đường

gadelampe

vĩa hè

fortov

trạm xăng

tankstation

công trường

byggeplads

vạch qua đường

fodgængerfelt

tắc đường

trafikprop

đường cao tốc

motorvej

xe tăng

tank

máy xúc

gravemaskine

máy kéo

traktor

rơ-moóc

anhænger

xe tay ga

scooter

xe cáp treo

svævebane

By

bệnh viện

hospital

trường học

skole

nhà ở

hus

hóa đơn

regning

chợ

marked

siêu thị

supermarked

căn hộ

lejlighed

trường đại học

universitet

nông trại

gård

nhà thờ

kirke

nhà hàng

restaurant

quán bar

bar

phòng thể dục

fitnesscenter

công viên

park

nhà vệ sinh
đại cương

toilet

bản đồ

kort

xe cứu thương

ambulance

cảnh sát
đại cương

politi

lính cứu hỏa
đại cương

brandvæsen

quốc gia

land

ngoại ô

forstad

ngôi làng

landsby

bảo hành

garanti

trung tâm mua sắm

indkøbscenter

tiệm thuốc

apotek

tòa nhà chọc trời

skyskraber

lâu đài

slot

đại sứ quán

ambassade

giáo đường Do Thái

synagoge

ngôi đền

tempel

nhà máy

fabrik

nhà thờ Hồi giáo

moske

tòa thị chính

rådhus

bưu điện

postkontor

đài phun nước

springvand

câu lạc bộ đêm

natklub

băng ghế

bænk

sân golf

golfbane

sân bóng đá

fodboldstadion

hồ bơi
tòa nhà

svømmehal

sân quần vợt

tennisbane

thông tin du lịch

turistinformation

sòng bạc

kasino

phòng triển lãm nghệ thuật

kunstgalleri

bảo tàng

museum

công viên quốc gia

nationalpark

quà lưu niệm

souvenir

thủy cung

akvarium

trượt nước

vandrutsjebane

tàu lượn siêu tốc

rutsjebane

công viên nước

vandland

vườn bách thú

zoo

sân chơi

legeplads

cửa thoát hiểm
tòa nhà

nørdudgang

chuông báo cháy

brandalarm

bình cứu hỏa

brandslukker

đồn cảnh sát

politistation

tiểu bang

stat

khu vực

region

thủ đô

hovedstad

Hospital

tai nạn

ulykke

bệnh nhân

patient

phẫu thuật

kirurgi

viên thuốc

pille

sốt

feber

ho

hoste

phòng cấp cứu

skadestue

khoa hồi sức tích cực

intensivafdeling

phòng chờ

venteværelse

thuốc aspirin

aspirin

thuốc ngủ

sovepille

ngày hết hạn

udløbsdato

liều lượng

dosis

si-rô ho

hostesaft

tác dụng phụ

bivirkning

insulin

insulin

bột

pulver

viên nhộng

kapsel

vitamin

vitamin

thuốc giảm đau

smertestillende medicin

kháng sinh

antibiotikum

vi khuẩn

bakterie

vi rút

virus

đau tim

hjerteanfald

tiêu chảy

diarre

tiểu đường

sukkersyge

đột quỵ

slagtilfælde

hen suyễn

astma

ung thư

kræft

cúm

influenza

đau răng

tandpine

cháy nắng

solskoldning

viêm họng

ondt i halsen

đau bụng

mavepine

nhiễm trùng

infektion

dị ứng

allergi

chuột rút

krampe

đau đầu

hovedpine

ống tiêm

sprøjte

nặng

krykke

chụp X quang

røntgenbillede

máy siêu âm

ultralydsmaskine

bó bột
nhỏ bé

plaster

xe lăn

kørestol

bó bột
gãy xương

gips bandage

mạch

puls

chấn thương

skade

cấp cứu

nødsituation

chấn động

hjernerystelse

vết bỏng

forbrænding

gãy xương

knoglebrud

thuốc tránh thai

P-pille

thử thai

graviditetstest

Jobs

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

læge

sygeplejerske

politimand

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

præsident

kaptajn

detektiv

phi công

giáo sư

giáo viên

pilot

professor

lærer

luật sư

thư ký

trợ lý

advokat

sekretær

assistent

thẩm phán

dommer

quản lý

manager

đầu bếp

kok

tài xế taxi

taxachauffør

tài xế xe buýt

buschauffør

người mẫu

model

nghệ sĩ

kunstner

thủ tướng

statsminister

dược sĩ

farmaceut

lính cứu hỏa
người

brandmand

nha sĩ

tandlæge

doanh nhân

entreprenør

chính trị gia

politiker

lập trình viên

programmør

tiếp viên hàng không

stewardesse

nhà khoa học

videnskabsmand

giáo viên mầm non

pædagog

kiến trúc sư

arkitekt

kế toán viên

bogholder

tư vấn viên

konsulent

công tố viên

anklager

tổng quản lý

administrerende direktør

vệ sĩ

livvagt

chủ nhà

udlejer

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

tjener

sikkerhedsvagt

soldat

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

fisker

rengøringsassistent

blikkenslager

thợ điện

nông dân

lễ tân

elektriker

landmand

receptionist

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

postbud

kassedame

frisør

tác giả

forfatter

nhà báo

journalist

nhiếp ảnh gia

fotograf

nhân viên cứu hộ

livredder

ca sĩ

sanger

nhạc sĩ

musiker

diễn viên

skuespiller

phóng viên

reporter

huấn luyện viên

træner

trọng tài

dommer

Forretning

tiền

văn phòng

áp lực

penge

kontor

stress

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

forsikring

personale

afdeling

lương

địa chỉ

lá thư

løn

adresse

brev

số điện thoại

url

địa chỉ email

telefonnummer

webadresse

e-mailadresse

trang mạng

websiteside

thư điện tử

e-mail

chữ ký

underskrift

thua lỗ

tab

lợi nhuận

profit

khách hàng

kunde

số tiền

beløb

thẻ tín dụng

kreditkort

mật khẩu

adgangskode

máy rút tiền

pengeautomat

thuế

skat

phòng họp

mødelokale

danh thiếp

visitkort

công nghệ thông tin

IT

nhân sự

personaleafdeling

bộ phận pháp lý

juridisk afdeling

kế toán

regnskab

tiếp thị

markedsføring

bán hàng

salg

đồng nghiệp

kollega

người sử dụng lao động

arbejdsgiver

nhân viên
người

medarbejder

chú thích

notat

thuyết trình

præsentation

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

mappe

gummistempel

projektor

bưu kiện

con tem

phong bì

pakke

frimærke

kuvert

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

browser

investering

børs

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

pengeseddel

mønt

rente

khoản vay

lần

số tài khoản

kontonummer

tài khoản ngân hàng

bankkonto

Tekniske apparater

điện thoại

telefon

bộ tivi

fjernsyn

máy ảnh

kamera

đài radio

radio

quạt

ventilator

máy điều hòa

klima anlæg

máy pha cà phê

kaffemaskine

máy nướng bánh mì

brødrister

máy hút bụi

støvsuger

máy sấy tóc

hårtørrer

ấm đun nước

kedel

máy rửa chén

opvaskemaskine

bếp điện

komfur

lò nướng

ovn

lò vi sóng

mikroovn

tủ lạnh

køleskab

máy giặt

vaskemaskine

điều khiển từ xa

fjernbetjening

tai nghe

høretelefon

chuột

mus

bàn phím

tastatur

ổ cứng

harddisk

thanh USB

USB stik

máy quét

scanner

máy in

printer

màn hình

skærm

máy tính xách tay

bærbar

rô bốt

robot

loa

højtaler

